

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **137/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/9/2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Hoàng Thu**.
2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Ngân** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Lân** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 09 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1343/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 281/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thuận H**, sinh năm 1989 – Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: 2A1 ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Đào Minh Trường Thiên A**, sinh năm 1990 – Vắng mặt.

Địa chỉ: C4/2 ấp 3, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 01/11/2017, bản tự khai ngày 05/12/2017 và các biên bản, nguyên đơn bà Nguyễn Thuận H trình bày:

Bà H và ông Đào Minh Trường Thiên A chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Hạnh phúc vợ chồng không còn dù ông bà đã cố gắng hàn gắn. Bà H và ông A đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đào Minh Trường Thiên A.

Về con chung: Bà H và ông A chung sống không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đào Minh Trường Thiên A vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay mà không có văn bản thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến: Về Tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thuận H đối với ông Đào Minh Trường Thiên A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thuận H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đào Minh Trường Thiên A. Căn cứ vào Phiếu trả lời xác minh của Công an xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp (Công văn đến số 2557/CVĐ ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện B) thì ông A có đăng ký thường trú và thực tế sinh sống tại địa chỉ: C4/2 ấp 3, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Đào Minh Trường Thiên A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 142, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/10/2013 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thuận H và ông Đào Minh Trường Thiên A là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thuận H trình bày bà H và ông Đào Minh Trường Thiên A chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Hạnh phúc vợ chồng không còn dù ông bà đã cố gắng hàn gắn. Bà H và ông A đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đào Minh Trường Thiên A.

Hiện nay, bà H và ông A mỗi người sống mỗi nơi không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cả hai đã ly thân hơn 01 năm nay. Mục đích hôn nhân giữa bà H và ông A đã không còn, bà H không muốn chung sống với ông A nữa.

Căn cứ vào Phiếu trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Công văn đến số 2197/CVĐ ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện B) thì Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh không rõ tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Thuận H và ông Đào Minh Trường Thiên A.

Do đó, Hội đồng xét xử xét nhận thấy việc bà Nguyễn Thuận H yêu cầu ly hôn với ông Đào Minh Trường Thiên A là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ các nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thuận H.

Ông Đào Minh Trường Thiên A mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án cũng không có văn bản thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác, ông A cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H. Như vậy, ông A đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên ông A phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông A không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định bà và ông A chung sống không có tài sản chung, không nợ ai.

Ông A vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại Tòa hôm nay, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà H và ông A.

Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà H và ông A. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thuận H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 51, 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thuận H đối với ông Đào Minh Trường Thiên A.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thuận H và ông Đào Minh Trường Thiên A chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 142, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/10/2013 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Quá trình bà H và ông A chung sống không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định bà và ông A chung sống không có tài sản chung, không nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà H và ông A. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thuận H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0030795 ngày 15/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thuận H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thuận H và ông Đào Minh Trường Thiên A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B (1);
- Các đương sự (4);
- UBND xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền